

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/KDTM-ST

Ngày 22/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST - KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- KDTM ngày 06 tháng 2 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST - KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST - KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở chính: a, phố B, phường H, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Tuấn T – Phó Giám đốc Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Q.

Ông Lương Tuấn T ủy quyền lại cho:

- Ông Phạm Hải L – Chuyên viên xử lý nợ cao cấp.

- Ông Vũ Duy H – Chuyên viên xử lý nợ
(Có mặt ông Vũ Duy H tham gia phiên tòa)

Bị đơn: Ông Lê Công D, sinh năm 1970 và bà Lưu Thị V, sinh năm 1968. Điều trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Công D, bà Lưu Thị V ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 100/18/HĐCV-9354 tại Ngân hàng TMCP Q – chi nhánh Thái Bình ngày 02/4/2018 để bổ sung vốn kinh doanh. Số tiền vay: 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng (kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên); lãi suất cho vay: Lãi suất cố định 14%/năm; kỳ hạn trả gốc, lãi vay: 01 tháng/ kỳ, trong vòng 24 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông D và bà V theo Hợp đồng vay là 100.000.000 đồng. Sau khi vay vốn đến nay, ông D và bà V mới chỉ trả được 37.440.000 đồng nợ gốc và 10.529.926 đồng nợ lãi, từ tháng 01/2019 đến nay ông D và bà V không trả nợ, đã vi phạm kỳ hạn trả lãi vay, nợ gốc đã ký kết. Ngân hàng TMCP Q đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo tạo điều kiện cho ông D và bà V có thời gian thu xếp nguồn tiền trả nợ nhưng ông D và bà V vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 04/02/2020 ông D và bà V còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng cộng các khoản nợ sau: Nợ gốc 62.560.000 đồng; Nợ lãi 15.432.033 đồng; Phạt chậm trả gốc 5.997.920 đồng; Phạt chậm trả lãi 1.167.848 đồng. Tổng ông D và bà V còn nợ Ngân hàng TMCP Q: 85.157.801 đồng và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày 05/02/2020 theo Hợp đồng vay vốn đã ký cho đến ngày ông D và bà V thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà V vắng mặt, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ tại biên bản xác minh ngày 17/01/2020 tại UBND xã X, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 335, 339, 342, 428, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm

2015: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q, buộc ông Lê Công D và bà Lưu Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2020 là 92.541.964 đồng (trong đó: Nợ gốc: 62.560.000 đồng; Nợ lãi: 17.546.786 đồng; Phạt chậm trả gốc: 9.707.546 đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.727.632 đồng). Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông D, bà V phải chịu án phí sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Q vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi, bổ sung gì. Còn bị đơn ông Lê Công D và bà Lưu Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữ nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Công D và bà Lưu Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ vào Điều 228, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Công D và bà Lưu Thị V ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP Q để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, điện nước và có giấy phép kinh doanh. Vì vậy xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q đề nghị bị đơn là vợ chồng ông D và bà V phải trả số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng số 100/18/HĐCV-9354 tại Ngân hàng TMCP Q – chi nhánh Thái Bình ngày 02/4/2018 vay số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho vợ chồng ông D, bà V đủ số tiền như trong hợp đồng. Đến nay vợ chồng ông D, bà V mới trả được 37.440.000 đồng nợ gốc và 10.529.926 đồng nợ lãi. Từ tháng 01/2019 đến nay ông D, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù đã được Ngân hàng TMCP Q tạo mọi điều kiện và đôn đốc nhiều lần nhưng ông Dương bà

Vương vẫn cố tình không thực hiện. Tính đến ngày 22/5/2020 là ngày xét xử sơ thẩm ông D, bà V còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 92.541.964 đồng, bao gồm (Nợ gốc: 62.560.000 đồng; Nợ lãi: 17.546.786 đồng; Phạt chậm trả gốc: 9.707.546 đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.727.632 đồng). Bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 335, 339, 342, 428, 463, 465, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 191, Điều 195 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQG14 về Án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc Ông Lê Công D và bà Lưu Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 92.541.964 đồng, bao gồm (Nợ gốc: 62.560.000 đồng; Nợ lãi: 17.546.786 đồng; Phạt chậm trả gốc: 9.707.546 đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.727.632 đồng).

Kể từ ngày tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Ông Lê Công D và bà Lưu Thị V còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Ông Lê Công D và bà Lưu Thị V phải chịu 4.628.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP q số tiền 3.400.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002041 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã X;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ngô Thế Tương